

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2025/DS-PT
Ngày 25-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng
Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quốc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 595/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2025/QĐ-PT, ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Quang P, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố B2, phường L, thành phố T, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Hoàng T, sinh năm 1987; vắng mặt và ông Huỳnh Kim C, sinh năm 2001; địa chỉ: số B, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh BD, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023); có mặt,

- Bị đơn: Ông Luân Chí Q, sinh năm 1987; địa chỉ: số C, đường N, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Ngọc T1, sinh năm 1983; địa chỉ: số D, khu phố D, phường T, Quận L, Thành phố H; vắng mặt

2. Ông Vương Hữu L, sinh năm 1990; địa chỉ: số E, khu phố B1, phường L, thành phố T, tỉnh BD; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1967; địa chỉ: số F, đường N, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD; vắng mặt

4. Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: số G, đường N, phố đi bộ B, phường P, thành phố T, tỉnh BD; vắng mặt

5. Ông Vương Tấn L1, sinh năm 1965; địa chỉ: số E, khu phố B1, phường L, thành phố T, tỉnh BD; vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Quang P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 9 năm 2023 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Kim C, bà Vũ Hoàng T trình bày: Ông Hồ Ngọc T1, ông Vương Hữu L, ông Luân Chí Q, ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ có thống nhất về việc góp tiền chung để nhận sang nhượng lại quyền kinh doanh Karaoke DL, tại số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD, do bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1967; địa chỉ: số F, đường N, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD là chủ sở hữu theo Hợp đồng cho thuê quán Karaoke số 01/2022/HĐCTQ karaoke ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa bà Nguyễn Thị Bích T2 (bên cho thuê) và bên thuê gồm ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Luân Chí Q, ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1. Nội dung hợp đồng thể hiện: Kể từ thời điểm bàn giao, bên B có toàn quyền thay mặt bên A làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác và tự chịu mọi trách nhiệm với các vấn đề liên quan tới quán Karaoke DL tại số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD (các quyền hạn, nghĩa vụ cụ thể được nêu tại Điều 3 của hợp đồng). Thời hạn thuê 03 năm kể từ ngày khai trương. Giá thuê là 120.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí khác nếu có. Giá thuê được giữ nguyên trong 03 năm đầu từ ngày khai trương quán, kể từ năm thứ 03 có thể thay đổi theo biến động kinh tế của thị trường, tăng hoặc giảm theo thỏa thuận của các bên nhưng tuyệt đối không tăng vượt quá 50% giá thuê được ghi nhận trong hợp đồng này. Tiền cọc: Bên B đặt cọc số tiền 360.000.000 đồng tại thời điểm ký hợp đồng này. Tổng số vốn đầu tư số tiền 1.500.000.000 đồng, cụ thể mỗi người góp vốn như sau:

Ông Luân Chí Q góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; Ông Vương Hữu L góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; Ông Nguyễn Hồng Quang P góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; Ông Lê Tấn Đ góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; Ông Hồ Ngọc T1 góp 10% số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi thuê thì tất cả thống nhất và kinh doanh được thời gian ngắn thì vướng vào giai đoạn karaoke An Phú bị hỏa hoạn nên cơ quan kiểm tra không cho hoạt động. Theo thỏa thuận góp vốn ông Hồ Ngọc T1 góp 10% số tiền 150.000.000 đồng nhưng do hoạt động thiếu nên ông T1 chuyển khoản 160.000.000 đồng đưa cho ông Q. Số tiền tăng lên là do mua sắm thiết bị thêm 10.000.000 đồng do tỷ lệ góp vốn. Việc quán karaoke không hoạt động được nên ông P yêu cầu ông Q trả lại tiền góp vốn và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm thuê quán hoạt động thì người trực tiếp quản lý quán là ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1. Quán bắt đầu khai trương và hoạt động vào ngày 08/8/2022 đến ngày 14/9/2022 thì Cơ

quan chức năng không cho hoạt động. Lợi nhuận từ quán thì chưa nhận được bất kỳ lợi nhuận nào. Sau khi cơ quan chức năng không cho hoạt động thì ông T1 đã thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê và gửi cho ông Luân Chí Q đồng thời kêu ông Q gửi cho bà T2 bằng tin nhắn, ông Q xác nhận đã gửi cho bà T2. Vì vậy, ông T1 cũng thống nhất ngưng hoạt động. Ông Q cũng đã xác nhận bằng tin nhắn là ngưng hoạt động từ tháng 9/2022 cho đến nay. Ông Vương Hữu L cũng thống nhất ngưng hoạt động vào tháng 9/2022. Sau đó, ông P đã thông báo cho ông Q và ông L (ông L đang là người trực tiếp quản lý) và kêu thông báo cho bà T2 chưa sang tên cơ sở kinh doanh nên bà T2 lên làm việc với Công an nhưng không ai lên vì vậy cơ sở bị buộc đình chỉ hoạt động. Ngày 15/9/2022, ông P đã yêu cầu bà T2 đưa các giấy phép liên quan đến hoạt động của cơ sở nhưng bà T2 trả lời rằng bà T2 đã cọc làm quán nhậu nên không sang quán, nếu muốn có giấy phép phải cọc thêm 300.000.000 đồng nữa mới đưa. Nhưng theo quy định bên sang nhượng phải có nghĩa vụ và cung cấp đầy đủ giấy phép hoạt động và cung cấp cho bên thuê. Cơ sở không đưa vào hoạt động và đã thống nhất ngưng hoạt động từ tháng 9/2023. Sau đó, bà T2, ông Q, ông L tự ý mua thiết bị mà không hỏi ý kiến của ông T1. Các sự kiện tiếp theo đều tự ý thực hiện, ông T1 không hề hay biết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản đã đầu tư quán Karaoke DL tại địa chỉ số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD mà chỉ yêu cầu ông Luân Chí Q có trách nhiệm hoàn trả số tiền góp vốn kinh doanh 220.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi chuyển tiền tháng 7/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 8 năm 2024 là 91.666.000 đồng, tổng cộng số tiền 311.666.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Giấy căn cước công dân; chi tiết tài khoản khách hàng ngày 31/5/2023 và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Luân Chí Q trình bày: Ông Luân Chí Q có nhận chuyển khoản của ông Nguyễn Hồng Quang P ngày 01/7/2022 số tiền 200.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng ngày 02/9/2022, tổng cộng nhận 220.000.000 đồng. Ông Q không có vay tiền của ông Nguyễn Hồng Quang P mà là cùng nhau ký hợp đồng thuê quán Karaoke theo Hợp đồng cho thuê quán Karaoke số 01/2022/HĐCTQ karaoke ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa bà Nguyễn Thị Bích T2 (bên cho thuê) và bên thuê gồm: Tôi (Luân Chí Q); ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1.

Nội dung thỏa thuận và thời hạn thuê được thể hiện cụ thể trong hợp đồng thuê như sau: Bên cho thuê do tạm thời không còn nhu cầu kinh doanh nên đồng ý cho bên B (tức bên thuê) thuê lại toàn bộ mặt bằng quán Karaoke có tên DL số Giấy phép 46F8005525 ngày 11/02/2010 có Phòng Tài chính kế hoạch Thuận An cấp tại X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD. Tất cả các thiết bị hệ thống âm thanh bên trong được thanh lý với giá 100.000.000 đồng và sẽ được bên thuê thanh toán với số tiền 100.000.000 đồng vào tại thời điểm lập biên bản giao nhận, danh sách số lượng cụ thể sẽ được lập thành biên bản giao nhận khi ký hợp đồng này.

Kể từ thời điểm bàn giao, bên B có toàn quyền thay mặt bên A làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác và tự chịu mọi trách nhiệm với các vấn đề liên quan tới quán Karaoke DL nằm tại số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD (các quyền hạn, nghĩa vụ cụ thể được nêu tại Điều 3 của hợp đồng). Thời hạn thuê 03 năm kể từ ngày khai trương. Giá thuê 120.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí khác nếu có. Giá thuê được giữ nguyên trong 03 năm đầu từ ngày khai trương quán, kể từ năm thứ 03 có thể thay đổi theo biến động kinh tế của thị trường, tăng hoặc giảm theo thỏa thuận của các bên nhưng tuyệt đối không tăng vượt quá 50% giá thuê được ghi nhận trong hợp đồng này. Tiền cọc: Bên B đặt cọc số tiền 360.000.000 đồng tại thời điểm ký hợp đồng này.

Quá trình đầu tư các thành viên gồm ông Hồ Ngọc T1, ông Vương Hữu L, ông Luân Chí Q, ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ thống nhất người đầu tư để kinh doanh số tiền 1.500.000.000 đồng, thuê lại toàn bộ mặt bằng quán Karaoke có tên DL số Giấy phép 46F8005525 ngày 11/02/2010 có Phòng Tài chính kế hoạch Thuận An cấp tại địa chỉ X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD và sửa sang mua sắm thiết bị, tỷ lệ góp vốn như sau: Ông Luân Chí Q góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; Ông Vương Hữu L góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; Ông Nguyễn Hồng Quang P góp vốn 20% số tiền 300.000.000 đồng; Ông Lê Tấn Đ góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; Ông Hồ Ngọc T1 góp vốn 10% số tiền 150.000.000 đồng.

Số tiền trên bị thiếu nên mỗi người đều phải góp thêm theo tỷ lệ phần % vốn góp. Sau khi thuê thì tất cả đều cùng nhau kinh doanh được thời gian ngắn thì vướng vào giai đoạn cháy karaoke An Phú nên không xin được giấy phép hoạt động nên không có doanh thu để thanh toán được tiền mặt bằng, vi phạm hợp đồng thuê, tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê. Số tiền đầu tư để hoạt động và tiền cọc tiền sửa chữa trang thiết bị,... bị mất toàn bộ.

Ông Q chỉ là người cùng tham gia góp vốn làm ăn chung như những thành viên khác. Ông Q nhận tiền và đứng ra thanh toán cho việc sửa chữa chung của các thành viên, đầu tư và thu nhập đều chia theo lợi nhuận. Việc mua bán thiết bị để hoạt động thì tất cả đều biết rõ ràng thống nhất. Tất cả cùng nhau đi mua thiết bị ngoài cửa hàng, nấu ăn, bia bọt đều thống nhất, không ai có bất kỳ ý kiến nào khác. Kể từ ngày thuê là ngày 07/7/2022 thì kinh doanh khoảng hơn 01 tháng, sau đó hoạt động khoảng 02 tháng thì ngày 06/9/2022 cháy Karaoke An Phú nên ngày 14/9/2022 Công an thành phố kiểm tra. Vì vậy, ông Q không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, ông Q không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Tấn L1 trình bày: Ông L1 và bà Nguyễn Thị Bích T2 là vợ chồng, đồng thời là chủ quán quán Karaoke có tên DL số Giấy phép 46F8005525 ngày 11/02/2010 do Phòng Tài chính kế hoạch Thuận An cấp tại địa chỉ X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD. Ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa bà Nguyễn Thị Bích T2 (bên cho thuê) và bên thuê gồm: Ông Luân Chí Q; ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1.

Vợ chồng ông L1 đã nhận tiền cọc 360.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng tiền sang nhượng tài sản gồm thiết bị âm thanh. Tổng cộng nhận 460.000.000 đồng. Sau đó, bà T2 có nhận tiền thuê thêm 01 tháng 120.000.000 đồng (ngày

07/8/2022). Kể từ ngày 07/8/2022 trở đi thì không nhận được bất kỳ khoản tiền thuê nào. Tiền thuê khoảng hai tháng sau không ai thanh toán, điện thoại, nhắn tin không ai nghe. Bà T2 có điện cho ông P, ông T1 vì ông P là Tổng giám đốc để trả tiền thuê mặt bằng nhưng không ai trả, quán thì đóng cửa. Cuối tháng 10/2022 thì ông L1, bà T2 qua tiếp nhận quán karaoke, đóng tiền phạt, tiền điện nước và hiện nay không hoạt động. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông P đối với ông Q thì không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hợp đồng cho thuê quán Karaoke có tên DL có thỏa thuận miệng không thuê giấy phép, có bằng chứng là tin nhắn, bên thuê tự mở Công ty cổ phần đầu tư phát triển DL mã số thuế 3703075903, tại số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD do ông Nguyễn Hồng Quang P là Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Do các đương sự không có ý kiến, không tranh chấp đối với ông L1 và bà T2 nên ông L1 không có yêu cầu độc lập, mọi vấn đề do nguyên đơn, bị đơn tự giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T2 trình bày: Bà T2 thống nhất trình bày của ông L1 và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Hữu L trình bày: Ông Vương Hữu L thống nhất trình bày của ông Luân Chí Q về thành viên tham gia góp vốn kinh doanh, tỷ lệ góp, số tiền chi tiêu đối quán Karaoke có tên DL số Giấy phép 46F8005525 ngày 11/02/2010 do Phòng Tài chính kế hoạch Thuận An cấp tại địa chỉ X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD. Sau khi chi tiêu sắm sửa hết số tiền đầu tư chung là 1.500.000.000 đồng nên mọi người mới thỏa thuận miệng hùn thêm theo phần trăm. Việc đầu tư phải bỏ vốn để đầu tư ban đầu để kinh doanh, không ai là không bỏ vốn. Việc kinh doanh được khoảng 02 tháng thì không hoạt động nữa do có vụ cháy ngày 06/9/2022 tại phường An Phú. Vì vậy, sau khi cháy thì tất cả thống nhất không hoạt động. Nay, ông P khởi kiện đòi lại tiền góp vốn khi đã chi tiêu là không đúng, không có cơ sở nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Vương Hữu L không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc T1 trình bày: Nguyên trước đây ông Luân Chí Q, ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1 có thống nhất về việc góp tiền chung để nhận sang nhượng lại quyền kinh doanh Karaoke DL, địa chỉ: X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD, do bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1967; địa chỉ: số F, đường N, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD là chủ sở hữu. Tổng số tiền góp vốn chung là 1.500.000.000 đồng tương ứng 100%, tỷ lệ được thỏa thuận như sau: Ông Luân Chí Q góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; ông Vương Hữu L góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; ông Nguyễn Hồng Quang P góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; ông Lê Tấn Đ góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; ông Hồ Ngọc T1 góp 10% số tiền 150.000.000 đồng.

Ông Hồ Ngọc T1 thống nhất trình bày của ông P và không có yêu cầu độc lập, do ông T1 đang khởi kiện ông Q bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm việc; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo

kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Lê Tấn Đ đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Quang P về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” đối với bị đơn ông Luân Chí Q.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Quang P buộc ông Luân Chí Q có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền hợp tác kinh doanh là 220.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26 tháng 8 năm 2024 là 91.666.000 đồng), tổng cộng: 311.666.000 đồng (ba trăm mười một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy Tòa án sơ thẩm xử có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Luân Chí Q, ông Hồ Ngọc T1, ông Vương Hữu L, bà Nguyễn Thị Bích T2, ông Lê Tấn Đ và ông Vương Tấn L1 vắng mặt nhưng phiên tòa được mở lần thứ hai. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự đều khai thống nhất về việc góp tiền chung để nhận sang nhượng lại quyền kinh doanh Karaoke DL, tại số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD, do bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1967; địa chỉ: số F, đường N, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD là chủ sở hữu theo Hợp đồng cho thuê quán karaoke số 01/2022/HĐCTQ karaoke ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa bà Nguyễn Thị Bích T2 (bên cho thuê) và bên thuê gồm có ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Luân Chí Q; ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1. Tổng số tiền ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Luân Chí Q; ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1 góp vốn chung là 1.500.000.000 đồng tương ứng 100%, tỷ lệ được thỏa thuận như sau: Ông Luân Chí Q góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; ông Vương Hữu L góp vốn 25% số tiền 375.000.000 đồng; ông Nguyễn Hồng Quang P góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; ông Lê Tấn Đ góp 20% số tiền 300.000.000 đồng; ông Hồ Ngọc T1 góp 10% số

tiền 150.000.000 đồng. Do số tiền vốn góp thiếu nên mỗi thành viên đều góp thêm theo tỷ lệ phần trăm. Quán Karaoke DL bắt đầu khai trương và hoạt động vào ngày 08/8/2022 nhưng đến ngày 14/9/2022 ngưng hoạt động. Sự thừa nhận như trên của các đương sự là chứng cứ nên không cần phải có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Các đương sự không có yêu cầu giải quyết đối với thiết bị mua sắm và Hợp đồng cho thuê quán Karaoke số 01/2022/HĐCTQ karaoke ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa bà Nguyễn Thị Bích T2 (bên cho thuê) và bên thuê gồm có ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Luân Chí Q; ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1 tại Karaoke DL, tại số X đường Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh BD nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Luân Chí Q có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền vốn góp kinh doanh với số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi chuyển tiền tháng 7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2024 là 91.666.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 311.666.000 đồng. Nhận thấy ông Luân Chí Q, ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1 cùng nhau góp vốn để hợp tác kinh doanh Karaoke DL, không ký hợp đồng hợp tác cùng nhau ký Hợp đồng cho thuê quán Karaoke số 01/2022/HĐCTQ karaoke ngày 07/7/2022 nên thể hiện là tài sản chung của các thành viên. Ông Luân Chí Q, ông Nguyễn Hồng Quang P, ông Lê Tấn Đ, ông Vương Hữu L, ông Hồ Ngọc T1 là các thành viên ngang nhau, cùng tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự nên không ai phải chịu trách nhiệm cho bất cứ cá nhân nào. Ông P góp vốn để hợp tác kinh doanh Karaoke DL cùng nhau thu lợi nhuận nên ông Q không có trách nhiệm phải hoàn trả lại vốn góp, không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Nay, ông P khởi kiện ông Q yêu cầu trả lại tiền góp vốn là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Quang P.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 81/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồng Quang P phải nộp số tiền

300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0002812 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông Huỳnh Kim C nộp thay)

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. T;
- CCTHADS TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa Dân sự, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp